

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/11/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Thắng**

2. Bà **Trương Thị Lệ Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Kim Lâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Xuân T** - sinh năm 1973.

Địa chỉ: huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Tô Ngọc S** - sinh năm 1972.

Địa chỉ: huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt; anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2018; bản tự khai ngày 11/7/2018; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số I/96. Chị và anh S chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S không chăm lo cho vợ con, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt và khó có thể hàn gắn. Chị và anh S đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống

vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung tên là Tô Thị Thùy T sinh ngày 15/6/1999, Tô Thành Đ sinh ngày 18/5/2002 và Tô Hải Đ sinh ngày 30/6/2013. Khi ly hôn, do cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Đ, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tô Ngọc S: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh S vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh S.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T. Cho chị T được ly hôn với anh Tô Ngọc S.

2) Về con chung: Giao cháu Tô Thành Đ sinh ngày 18/5/2002 và cháu Tô Hải Đ sinh ngày 30/6/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Tô Ngọc S hiện cư trú tại, xã Túc Trung, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Xuân Tkhởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Xuân Tlà nguyên đơn; anh Tô Ngọc S là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tô Ngọc S nhưng anh S vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị T và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị T và anh S hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T, anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh S. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị T và anh S có 03 con chung tên là Tô Thị Thùy T sinh ngày 15/6/1999, Tô Thành Đ sinh ngày 18/5/2002 và Tô Hải Đ sinh ngày 30/6/2013. Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh thể hiện cháu T hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Đ và cháu Đ được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Đ cũng có nguyện vọng được chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T hiện nay đang buôn bán ở chợ Phú Túc, có thu nhập ổn định; xét thấy việc giao cháu Đ và cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đ và cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T. Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Tô Ngọc S.

2) *Về con chung*: Giao cháu Tô Thành Đ sinh ngày 18/5/2002 và cháu Tô Hải Đ sinh ngày 30/6/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 005554 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Tô Ngọc S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Túc Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn